TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-3-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Phúc;

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã D, huyện H, Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh Lê Ngọc D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 09 tháng 7 năm 2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu, về nhà kiếm chuyện gây gổ với chị, có một lần anh D có hành vi bạo lực gia

đình; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Ngọc D.

- Về con chung: Chị N và anh D có một con chung tên là Lê Phước T, sinh ngày 03-02-2014; hiện cháu T sống cùng vợ chồng. Khi ly hôn, chị N và anh D thống nhất thỏa thuận giao cháu T cho anh D nuôi con, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N và anh D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N cam kết chị N và anh D không có nợ ai.

Bị đơn anh Lê Ngọc D trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của chị N. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh D thừa nhận thỉnh thoảng có uống rượu, vợ chồng thường xuyên gây gổ nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nhưng không có hành vi bạo lực gia đình. Mặc dù vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh D chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Anh D và chị N có một con chung tên là Lê Phước T, sinh ngày 03-02-2014; hiện cháu T sống cùng vợ chồng. Khi ly hôn, anh D và chị N thống nhất thoả thuận giao cháu T cho anh D nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh D và chị N không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh D cam kết anh D và chị N không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Lê Ngọc D. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu Lê Phước T, sinh ngày 03-02-2014 cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N, anh Lê Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị

Nguyễn Thị N, anh Lê Ngọc D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa chị N và anh Lê Ngọc D, anh D có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị N và anh D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh D là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 09 tháng 7 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị N và anh D đều thừa nhận có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải, hàn gắn được, hiện tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh D là phù hợp..

[3] Về con chung: Chị N và anh D thống nhất có một con chung tên Lê Phước T, sinh ngày 03-02-2014. Chị N và anh D thống nhất giao cháu T cho anh D nuôi dưỡng, anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thoả thuận của chị N và anh D là tự nguyện, đảm bảo các điều kiện chăm sóc cho con. Do đó, giao cháu T cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Lê Ngọc D.

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lê Ngọc D.

2. Về con chung: Giao một con chung tên Lê Phước T, sinh ngày 03-02-2014 cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0014134 ngày 21-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Lê Ngọc D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc D có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Phước (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Vân